

Bản án số: 518/2017/DS-ST

Ngày: 29/09/2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Trương Hồng Thảo

2. Ông Trần Văn Thắng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh -
Kiểm sát viên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký Toà án nhân dân Quận 8.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2016, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2017/QĐXXST-DS ngày 15/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2017/QĐST-DS ngày 11/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm: 1960

Địa chỉ: 290C/65 đường A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T. Sinh năm: 1985. Địa chỉ: thôn 7, xã E, thành phố G, tỉnh H. Đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền lập ngày 30/8/2016 tại Văn Phòng Công Chứng Tân Thuận, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm: 1943 (có mặt)

Bà Đào Thị Đ, sinh năm: 1945 (có mặt)

Địa chỉ: 314 Lô E, đường A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: 432A/16/36C đường A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị P và lời trình bày tại phiên tòa của bà Phạm Thị Ngọc T đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Do quen biết nên vào ngày 22/8/2009 bà có cho vợ chồng ông Bùi Văn C, bà Đào Thị Đ vay số tiền 100.000.000 đồng, để làm tin ông C, bà Đ có đưa cho bà P giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của căn nhà 314 Lô E, đường A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Một thời gian sau thì bà Đ đến lấy lại giấy chủ quyền và hứa hẹn bán nhà sẽ trả nợ. Tuy nhiên căn nhà đã bán từ lâu nhưng ông C, bà Đ không trả bà P cả vốn và lãi. Nay bà P khởi kiện yêu cầu ông C, bà Đ phải trả cho bà P số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Vì hoàn cảnh ông C, bà Đ đã già nên chỉ yêu cầu tính lãi theo qui định của pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trả xong hết số nợ.

Bị đơn ông Bùi Văn C, bà Đào Thị Đ trình bày tại phiên tòa:

- Bà Đ thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền với bà Lê Thị P như bà P đã kiện. Nhưng bà không vay mượn bà P, do người con ruột của bà đã lừa dối kêu bà ký giấy vay tiền chứ bà không vay mượn gì với bà P kể cả việc giao giấy tờ nhà cho bà P. Sau đó, bà có lấy lại giấy tờ nhà và đã bán nhà, nay bà P khởi kiện bà không đồng ý.

- Ông C không biết bà P là ai, ông không có giao dịch vay tài sản như bà P khởi kiện. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà P.

*Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 có bà Ngô Thị Kim Sinh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên bị đơn chưa chấp hành đúng hết quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, căn cứ vào giấy vay tiền có chữ ký của ông C, bà Đ xác định hợp đồng vay là thật. Đến nay ông C, bà Đ chưa trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Bà P chỉ yêu cầu tiền lãi tính theo qui định pháp luật tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu này phù hợp pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu của bà Lê Thị P đối với bà Đào Thị Đ, ông Bùi Văn C là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Hiện ông C, bà Đ cư trú tại Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào các Điều 26, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Bà Đào Thị Đ, ông Bùi Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo qui định pháp luật để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt. Qua xác minh bà Đ, ông C có đăng ký hộ khẩu tại 314 Lô E đường A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh và đang tạm trú tại 432A/16/36C đường A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2017/QĐXXST- DS ngày 15/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2017/QĐST-DS ngày 11/9/2017 cho ông C, bà Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông C, bà Đ có mặt.

3. Về nội dung:

Bà Lê Thị P khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn C và bà Đào Thị Đ trả số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 22/8/2009. Hai bên có viết giấy tay, có chữ ký của bà Đ, ông C. Nội dung của giấy vay nợ còn thể hiện bà Đ, ông C có đưa cho bà P giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở căn nhà số 314 Lô E đường A, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để giữ làm tin.

Ngày 11/9/2017 bà Đ, ông C có đến tòa án, bà Đ xác định đúng chữ ký vay tiền của bà, nhưng do bị con bà lừa dối nên bà ký tên, chứ bà không nhận tiền. Phía ông C không thừa nhận vay tiền của bà P, không biết bà P là ai và không đồng ý trả nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, cả ông C, bà Đ giữ nguyên lời trình bày này và xác định giấy tờ nhà đã lấy lại của bà P đồng thời đã bán nhà.

Bà T đại diện cho bà P không đồng ý với lời khai của bị đơn. Bà T xác định là chính bà Đ, ông C ký giấy vay tại nhà của bà P và giao giấy tờ nhà cho bà P giữ. Sau đó bà Đ đến lấy lại và hứa hẹn bán nhà trả, nhưng khi lấy lại thì bán nhà luôn, bà P đến đòi nhiều lần nhưng ông C, bà Đ không tiếp và không trả tiền.

Xét thấy:

Việc vay mượn tiền 100.000.000 đồng của bà Đ, ông C với bà P là thật. Bà Đ, ông C cũng thừa nhận số nợ nhưng cho rằng bị con lừa dối kêu ký tên. Tại phiên tòa bà Đ, ông C không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, bà P khởi kiện là có cơ sở chấp nhận. Ông C không đồng ý trả nợ vì cho rằng không ký tên vào giấy nợ, tuy nhiên ông không có yêu cầu giám định, cũng không có chứng cứ chứng minh. Đồng thời xét thấy đây cũng là nợ chung của vợ chồng. Do đó, buộc bà Đ và ông C trả 100.000.000 đồng cho bà P là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Bà P không có yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện của đương sự và có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo qui định pháp luật kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết xong số nợ, đây là yêu cầu phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, căn cứ theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi cho bà P.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông C, bà Đ phải chịu là 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 26, 39, 227, 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị Quyết 01/2012/HĐTP-TANDTC ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

Buộc bà Đào Thị Đ, ông Nguyễn Văn C phải trả lại cho bà Lê Thị P số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Thời hạn trả tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Đ, ông C chưa trả hết số nợ trên thì hàng tháng bà Đ, ông C còn phải chịu thêm tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tính theo qui định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đ, ông C phải chịu án phí là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) án phí DSST. Hoàn lại cho bà P 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009092 ngày 20/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- CC.THA Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Kim

